

Bản án số: 1803/2023/DS -ST

Ngày 14 tháng 9 năm 2023

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thiện Liên Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Lang

2. Ông Trần Văn Phủ

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Xuân Trường, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huyền - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai đối với vụ án dân sự thụ lý số 0231/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 454/2023/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 346/2023/QĐST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần A**

Địa chỉ: 266-268 N, phường V, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà N - Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông T (Giấy ủy quyền số 1195/2023/UQ-TGD
lập ngày 26 tháng 4 năm 2023)

Địa chỉ: 80/17 Đ, Phường K, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

Bị đơn: Ông **Trần Đình B**

Sinh năm: 1983

Địa chỉ: Căn hộ P, đường N, Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và các biên bản tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông T trình bày:

Căn cứ trên giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng của ông Trần Đình B, ngày 16/3/2017, Ngân hàng thương mại cổ phần A (sau đây gọi tắt là Ngân hàng A) đã cấp cho ông B thẻ tín dụng quốc tế Master Card Contactless Cre World số thẻ 552332-2821, hạn mức thẻ là 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng, lãi suất và phí theo quy định tại Bản các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của là Ngân hàng A với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn là 2,4%/tháng, lãi suất quá hạn là $150\% \times 2,4\%$ tương đương 3,6%/tháng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông B đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 2.275.352.789 (hai tỷ, hai trăm bảy mươi lăm triệu, ba trăm năm mươi hai ngàn, bảy trăm tám mươi chín) đồng. Ông B đã thanh toán được 2.300.058.466 (hai tỷ, ba trăm triệu, không trăm năm mươi tám ngàn, bốn trăm sáu mươi sáu) đồng, trong đó tiền gốc là 2.061.766.807 (hai triệu, không trăm sáu mươi một triệu, bảy trăm sáu mươi sáu ngàn, tám trăm lẻ bảy) đồng, phí trễ hạn là 10.834.460 (mười triệu, tám trăm ba mươi bốn ngàn, bốn trăm sáu mươi) đồng, lãi trong hạn là 226.819.064 (hai trăm hai mươi sáu triệu, tám trăm mười chín ngàn, không trăm sáu mươi bốn) đồng, phí vượt hạn mức là 638.135 (sáu trăm ba mươi tám ngàn, một trăm ba mươi lăm) đồng.

Do ông B vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng A đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông B chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 213.585.982 (hai trăm mười ba triệu, năm trăm tám mươi lăm ngàn, chín trăm tám mươi hai) đồng sang nợ quá hạn từ ngày 11/9/2021. Lãi suất trong hạn là 2,4%/tháng. Lãi suất quá hạn là $150\% \times 2,4\%$ tương đương 3,6%/tháng.

Nay, Ngân hàng A yêu cầu ông Trần Đình B thanh toán ngay một lần tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 01/8/2023 là 390.435.052 (ba chín mươi triệu, bốn trăm ba mươi lăm ngàn, không trăm năm mươi hai) đồng, trong đó:

- Nợ gốc là 213.585.982 (hai trăm mười ba triệu, năm trăm tám mươi lăm ngàn, chín trăm tám mươi hai) đồng.
- Tiền lãi quá hạn tính đến hết ngày 01/8/2023 là 176.849.070 (một trăm bảy mươi sáu triệu, tám trăm bốn mươi chín ngàn, không trăm bảy mươi) đồng.

Ông B phải thanh toán khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 02/8/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc với mức lãi

suất theo quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ký ngày 16/3/2017 và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần A.

Ngân hàng thương mại cổ phần A chỉ yêu cầu cá nhân ông Trần Đình B thanh toán nợ, không yêu cầu đưa thêm bất cứ người nào vào tham gia vụ kiện với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Bị đơn - ông Trần Đình B vắng mặt suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ kiện mặc dù Tòa án đã thực hiện thủ tục triệu tập và niêm yết hợp lệ. Ông B cũng không gửi văn bản phản hồi đến Tòa.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn vẫn giữ các nguyên ý kiến và yêu cầu như trên, cụ thể: yêu cầu bị đơn thanh toán ngay một lần tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 14/9/2023 là 401.712.384 (bốn trăm lẻ một triệu, bảy trăm mười hai ngàn, ba trăm tám mươi bốn) đồng, trong đó:

- Nợ gốc là 213.585.982 (hai trăm mười ba triệu, năm trăm tám mươi lăm ngàn, chín trăm tám mươi hai) đồng.

- Tiền lãi quá hạn tính đến hết ngày 14/9/2023 là 188.126.402 (một trăm tám mươi tám triệu, một trăm hai mươi sáu ngàn, bốn trăm lẻ hai) đồng.

Bị đơn phải thanh toán khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 15/9/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc với mức lãi suất theo quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ký ngày 16/3/2017 và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần A.

Bị đơn vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa triệu tập xét xử hợp lệ và cũng không gửi văn bản ý kiến đến phiên tòa.

Tại phần tranh luận, nguyên đơn không có ý kiến tranh luận, bị đơn vắng mặt.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng

1.1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán

Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này, thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án. Cụ thể:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Thẩm phán đã xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát thực hiện theo đúng quy định từ Điều 170 đến Điều 181 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 209, Điều 210, Điều 211 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh. Tòa án thụ lý số 0231/2023/TLST-DS ngày 13/2/2023 là đúng quy định tại Điều 146 và Điều 195, Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ngày 02/8/2023, Tòa án ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử số 454/2023/QĐXXST-DS. Theo đó, vụ án được xét xử công khai vào lúc 08 giờ 00 Bt ngày 24/8/2023. Ngày 02/8/2023, Tòa án gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử kèm hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu. Ngày 24/8/2023, Tòa án ban hành quyết định hoãn phiên tòa số 346/2023/QĐST-DS, ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào 08 giờ 00 phút ngày 14/9/2023.

1.2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng quy định của Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, bị đơn chưa thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp dân sự về Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Bị đơn có địa chỉ tại quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tòa đã tổng đạt xét xử hợp lệ triệu tập bị đơn tham gia phiên tòa sơ thẩm lần 1 mở ngày 24/8/2023 và lần 2 mở ngày 14/9/2023 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng do bị đơn ký tên chủ thẻ chính được phê duyệt ngày 16/3/2017 cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện đã đủ cơ sở xác định bị đơn đã được nguyên đơn cấp thẻ tín dụng loại Master Card Contactless Cre World số thẻ 552332-2821, hạn mức thẻ là 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Căn cứ Bản sao kê tài khoản thẻ thì bị đơn đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền đã sử dụng là 2.275.352.789 (hai tỷ, hai trăm bảy mươi lăm triệu, ba trăm năm mươi hai ngàn, bảy trăm tám mươi chín) đồng. Bị đơn đã thanh toán được 2.300.058.466 (hai tỷ, ba trăm triệu, không trăm năm mươi tám ngàn, bốn trăm sáu mươi sáu) đồng. Tính đến ngày 14/9/2023, bị đơn còn nợ nguyên đơn do việc

sử dụng thẻ tín dụng nêu trên với tổng số tiền là 401.712.384 (bốn trăm lẻ một triệu, bảy trăm mười hai ngàn, ba trăm tám mươi bốn) đồng, trong đó:

- Nợ gốc là 213.585.982 (hai trăm mười ba triệu, năm trăm tám mươi lăm ngàn, chín trăm tám mươi hai) đồng.

- Tiền lãi quá hạn tính đến hết ngày 14/9/2023 là 188.126.402 (một trăm tám mươi tám triệu, một trăm hai mươi sáu ngàn, bốn trăm lẻ hai) đồng.

Đến nay, bị đơn vẫn chưa thanh toán đầy đủ số tiền còn nợ đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán ngay một lần số tiền gốc và tiền lãi còn nợ là phù hợp với quy định Điều 2, Điều 18, Điều 22, Điều 23 Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03-2-2005; Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Về phía bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia quá trình tố tụng giải quyết vụ án nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình Tòa án tiến hành điều tra, thu thập chứng cứ và xét xử. Cho thấy, bị đơn đã tự từ bỏ quyền lợi tố tụng của mình.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thiết nghĩ yêu cầu của nguyên đơn hoàn toàn có cơ sở để chấp nhận toàn bộ, cần buộc bị đơn phải thanh toán số tiền 401.712.384 (bốn trăm lẻ một triệu, bảy trăm mười hai ngàn, ba trăm tám mươi bốn) đồng cho nguyên đơn ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật; kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn còn phải tiếp tục trả lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán với mức lãi suất theo quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 16/3/2017 và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần A theo như ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tại phiên tòa.

[4] Về án phí:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, án phí dân sự sơ thẩm là 20.068.495 (hai mươi triệu, không trăm sáu mươi tám ngàn, bốn trăm chín mươi lăm) đồng, bị đơn phải chịu do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ.

Nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.262.000 (tám triệu, hai trăm sáu mươi hai ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019334 ngày 09/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Trần Đình B thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền là 401.712.384 (bốn trăm lẻ một triệu, bảy trăm mười hai ngàn, ba trăm tám mươi bốn) đồng, trong đó:

- Nợ gốc là 213.585.982 (hai trăm mười ba triệu, năm trăm tám mươi lăm ngàn, chín trăm tám mươi hai) đồng.

- Tiền lãi quá hạn tính đến hết ngày 14/9/2023 là 188.126.402 (một trăm tám mươi tám triệu, một trăm hai mươi sáu ngàn, bốn trăm lẻ hai) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Trần Đình B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc với mức lãi suất theo quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín

dụng kèm hợp đồng ngày 16/3/2017 và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần A.

Thi hành ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 20.068.495 (hai mươi triệu, không trăm sáu mươi tám ngàn, bốn trăm chín mươi lăm) đồng, ông Trần Đình B phải nộp.

Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.262.000 (tám triệu, hai trăm sáu mươi hai ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019334 ngày 09/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Án xử công khai. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Y;
- Chi Cục THADS quận Y;
- Các đương sự;
- Lưu VP; Hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thiện Liên Hương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

